

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKTNA ngày 15 tháng 05 năm 2020 của
Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

Tên chương trình: Kỹ sư Quản lý đất đai

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản lý đất đai

Mã ngành: 7850103

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ sư Quản lý đất đai có đạo đức; có kiến thức chuyên môn toàn diện về lý luận và thực tiễn Quản lý đất đai: Trắc địa - Bản đồ, Hệ thống tin địa lý, Hệ thống tin đất đai, Ngoại ngữ; có kỹ năng về công nghệ (công nghệ toàn đạc, công nghệ GPS, công nghệ ảnh viễn thám...), thành lập các bản đồ chuyên đề (bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất...), thiết kế và vận hành các hệ thống thông tin đất đai...; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, kinh tế, xã hội phục vụ ngành.
- Có kiến thức về quản lý đất đai, ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực đo đạc, tin học phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.

1.2.2. Về kỹ năng

- Sử dụng được công nghệ tin học để tổ chức, thực hành đo đạc, biên tập thành lập bản đồ địa chính các loại.
- Lập và xây dựng được dự án quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển nông thôn, lập và kiểm tra hồ sơ địa chính các loại...
- Thực hiện công tác định giá đất, viết báo cáo định giá, đánh giá đất phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai.
- Tổng hợp và phân tích được biến động đất đai từ đó dự báo được nhu cầu sử

dụng các loại đất, minh họa kết quả quy hoạch đất đai trên bản đồ.

- Sử dụng được phần mềm MicroStation, Famis để thực hiện công tác biên tập, biên vẽ bản đồ, thống kê kiểm kê đất đai.

- Thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai, quy hoạch sử dụng đất

- Có kỹ năng tìm kiếm và sử dụng thông tin trong lĩnh vực Quản lý đất đai;

- Có khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá, dự báo, xây dựng kế hoạch và viết báo cáo

1.2.3. Về thái độ

Có phẩm chất đạo đức tư cách tốt, có hiểu biết về chính trị - xã hội và sức khỏe tốt.

1.2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Tốt nghiệp Đại học ngành Quản lý đất đai sinh viên có vị trí việc làm tại các đơn vị sau:

- Cán bộ quản lý đất đai, công chức địa chính, xây dựng các cấp; các Sở/Phòng Tài nguyên và môi trường, xây dựng, khoa học và công nghệ; Tổng cục Quản lý Đất đai, Viện nghiên cứu Quản lý Đất đai, Cục đo đạc bản đồ Việt Nam, Cục Viễn thám Quốc gia.

- Viện nghiên cứu khoa học đo đạc bản đồ, Trung tâm Đánh giá Tài nguyên đất, Trung tâm Quy hoạch đất đai; Ban Quản lý các dự án có liên quan đến sử dụng đất, xây dựng..

- Cán bộ nghiên cứu, kỹ thuật viên khoa học; Các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực Quản lý đất đai, địa chính.

- Trung tâm phát triển quỹ đất cấp tỉnh, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng,...

- Sàn giao dịch bất động sản, Công ty kinh doanh bất động sản, công ty đo đạc địa chính, Trung tâm kinh doanh địa ốc, Công ty môi giới nhà đất; Công ty cổ phần, doanh nghiệp nước ngoài có liên quan quản lý đất đai, khoa học đất, sử dụng tài nguyên thiên nhiên,....

- Tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ trong lĩnh vực Tài nguyên Môi trường

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Về kiến thức

- **Kiến thức chung:** Nhận thức, đánh giá sự vật, hiện tượng một cách logic, biện chứng; thực hiện đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; chấp

hành nghiêm túc Pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan, vận dụng được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, các kiến thức cơ bản về pháp luật, toán học cao cấp... để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

- **Kiến thức cơ sở ngành:** áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành về Quản lý nhà nước đất đai, Thổ nhưỡng, Đo đạc, Bản đồ địa chính, Pháp luật đất đai, Canh tác học, Đánh giá đất... để sử dụng trong học tập, khai thác nghiên cứu chuyên sâu các môn học chuyên ngành.

- **Kiến thức chuyên sâu:** Nhận thức các kiến thức chuyên sâu về Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch đô thị, Quy hoạch phát triển nông thôn, Định giá đất, Đánh giá đất đai, Thuế nhà đất, Thanh tra kiểm tra đất đai, Thống kê đất đai, kiến thức chuyên sâu về sử dụng phần mềm quản lý đất đai, sử dụng thành thạo các loại máy đo đạc như GPS, toàn đạc điện tử; sử dụng tốt các loại bản đồ...Để áp dụng khai thác các nguyên lý cơ bản trong việc quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên đất đai theo hướng tiết kiệm, hợp lý và bền vững.

2.2. Chuẩn về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

- Sử dụng được công nghệ tin học để tổ chức, thực hành đo đạc, biên tập thành lập bản đồ địa chính các loại.

- Lập và xây dựng được dự án quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển nông thôn, lập và kiểm tra hồ sơ địa chính các loại...

- Thực hiện công tác định giá đất, viết báo cáo định giá, đánh giá đất phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- Tổng hợp và phân tích được biến động đất đai từ đó dự báo được nhu cầu sử dụng các loại đất, minh họa kết quả quy hoạch đất đai trên bản đồ.

- Sử dụng được phần mềm MicroStation, Famis để thực hiện công tác biên tập, biên vẽ bản đồ, thống kê kiểm kê đất đai.

- Thành thạo trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai, quy hoạch sử dụng đất

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên đại học hệ chính quy sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh 400 điểm TOEIC trở lên.

- Kỹ năng tin học: Đạt trình độ tin học văn phòng tương đương B, có kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng các ứng dụng phần mềm của Microsoft Office,

sử dụng hiệu quả phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn trong môi trường Internet. Đồng thời có thể sử dụng phần mềm chuyên dùng cho ngành đào tạo theo quy định của trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

- Có kỹ năng tìm kiếm và sử dụng thông tin trong lĩnh vực Quản lý đất đai;
- Có khả năng tư duy theo hệ thống và sáng tạo;
- Có khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá, dự báo, xây dựng kế hoạch và viết báo cáo
- Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp; kỹ năng giao tiếp, đàm phán, diễn thuyết về lĩnh vực quản lý sử dụng đất đai.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về chuyên ngành quản lý đất đai; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau như viện, trung tâm đo đạc, địa chính các cấp; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề về pháp luật đất đai, quy hoạch, đo đạc bản đồ và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô cấp huyện về công tác quản lý đất đai

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

126 tín chỉ (*Chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng- An ninh*).

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thực hiện hàng năm.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy định số 17/ 2014/VBHN - BGDDT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành văn bản hợp nhất quy chế 43/2007 và Thông tư 57/2012 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định 159/ĐHKTNA- ĐT ngày 10/10/2014 về việc ban hành quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ ở trường Đại học kinh tế Nghệ An.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi đủ các tiêu chuẩn theo Quy

định số 17/ 2014/VBHN - BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành văn bản hợp nhất quy chế 43 và thông tư 57 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định 159/ĐHKTN-ĐT ngày 10/10/2014 về việc ban hành quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ ở trường Đại học kinh tế Nghệ An. Đồng thời, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Nhà trường.

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được ban hành theo theo Quy định số 17/ 2014/VBHN - BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành văn bản hợp nhất quy chế 43/2007 và thông tư 57/2012 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; quyết định 159/ĐHKTN-ĐT ngày 10/10/2014 về việc ban hành quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ ở trường Đại học kinh tế Nghệ An.

7. Nội dung chương trình

TT	Học phần	Số TC	Tiết LT	Tiết TH	Tổng
1. Kiến thức giáo dục đại cương					
1	Triết học Mác - Lênin	3	45		45
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		30
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30		30
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		30
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30		30
6	Pháp luật đại cương	3	45		45
7	Văn bản trong quản lý	3	45		45
Tự chọn (1 trong 2 học phần)					
8	Dân số học	2	30		30
	Xã hội học	2	30		30
9	Tiếng anh 1	3	45		45
10	Tiếng anh 2	4	60		60
11	Tiếng anh chuyên ngành	2	30		30
12	Toán cao cấp	3	45		45
13	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45		45
14	Hóa học đại cương	2	30		30
15	Sinh thái môi trường	2	28	5	33
16	Tin học đại cương	3	30	30	60
Tự chọn (2 trong 4 học phần sau)					
17	Tin học Autocard	2	15	30	45
	Môi trường và phát triển	2	28	5	33
18	Tài nguyên thiên nhiên	2	28	5	33
	Quản lý môi trường	2	28	5	33
19	Giáo dục thể chất	3	9	72	81
20	Giáo dục Quốc phòng – An Ninh	8	90	75	165
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
2.1. Kiến thức cơ sở ngành					
21	Trắc địa 1	3	39	15	54
22	Trắc địa 2	3	39	15	54
23	Trắc địa ảnh viễn thám	2	28	5	33
24	Thổ nhưỡng	2	26	10	36
25	Đánh giá đất	2	22	15	37
26	Hệ thống thông tin địa lý	3	27	35	62
27	Quản lý nguồn nước	2	26	10	36
28	Bản đồ học	2	26	10	36
2.2. Kiến thức chuyên ngành					
29	Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế xã hội	3	39	15	54
30	Quy hoạch sử dụng đất	2	26	10	36
31	Quy hoạch phát triển nông thôn	2	26	10	36
32	Quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn	2	26	10	36

33	Bản đồ địa chính	3	39	15	54
34	Thực hành trắc địa	2	15	30	45
35	Quản lý hành chính về đất đai	3	39	15	54
36	Đăng ký thống kê đất đai	3	39	15	54
37	Pháp luật đất đai	2	30		30
38	Thanh tra đất đai	2	26	10	36
39	Định giá đất	3	39	15	54
40	Thị trường bất động sản	2	26	10	36
41	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	2	26	10	36
42	Hệ thống thông tin đất	2	26	10	36
43	Thuế bất động sản	2	26	10	36
44	Tin học ứng dụng đo vẽ bản đồ	3	27	35	62
45	Xây dựng đồ án quy hoạch sử dụng đất	2	15	30	45
Tự chọn (3 trong 7 học phần)					
46 47 48	Hệ thống nông nghiệp	2	28	5	33
	Kinh tế tài nguyên đất	2	28	5	33
	Quy hoạch cảnh quan	2	28	5	33
	Tài nguyên đất và môi trường	2	28	5	33
	Đánh giá tác động môi trường	2	28	5	33
	Hệ thống định vị toàn cầu	2	15	30	45
	Cây trồng đại cương	2	28	5	33
49	Môi giới bất động sản	2	26	10	36
50	Thực tập giáo trình	4		180	180
51	Thực tập tốt nghiệp và viết khóa luận	10		450	450
(Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp)					
1	QL sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	2	15	30	45
2	Quy hoạch sử dụng đất lồng ghép môi trường	2	15	30	45
3	Kinh doanh bất động sản	2	15	30	45
4	Hồ sơ địa chính	2	15	30	45
5	Chính sách nhà ở	2	15	30	45
Tổng		126			

8. Phân bố tiến độ trong các kỳ

(Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh bổ trí học tùy theo điều kiện thực tế)

TT	Tên học phần	Số	TC	TC	Tiết	Tiết	Tổng
		TC	LT	TH	LT	TH	
I	Học kỳ 1	18					
1	Triết học Mác - Lênin	3	3		45		45
2	Tiếng anh 1	3	3		45		45
3	Toán cao cấp	3	3		45		45
4	Pháp luật đại cương	3	3		45		45

5	Tin học đại cương	3	2	1	30	30	60
6	Văn bản trong quản lý	3	3		45		45
II	Học kỳ 2	20					
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		30
2	Quản lý nguồn nước	2	1.7	0.3	26	10	36
3	Hóa học đại cương	2	2		30		30
4	Sinh thái môi trường	2	1.8	0.2	28	5	33
5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3		45		45
6	Tiếng anh 2	4	4		60		60
7	Thổ nhưỡng	2	1.7	0.3	26	10	36
8	Trắc địa	3	2.5	0.5	39	15	54
III	Học kỳ 3	18					
1	Pháp luật đất đai	2	2		30		30
2	Trắc địa 2	3	2.5	0.5	39	15	54
3	Bản đồ học	2	1.7	0.3	26	10	36
4	Tiếng anh chuyên ngành	2	2		30		30
5	Đánh giá đất	2	1.5	0.5	22	15	37
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		30
7	Quản lý hành chính về đất đai	3	2.5	0.5	39	15	54
	Tự chọn (1 trong 2 học phần)	2					
8	Dân số học	2	2		30		30
	Xã hội học	2	2		30		30
IV	Học kỳ 4	20					
1	QH tổng thể phát triển kinh tế xã hội	3	2.5	0.5	39	15	54
2	Hệ thống thông tin địa lý	3	1.8	1.2	27	35	62
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		30
4	Bản đồ địa chính	3	2.5	0.5	39	15	54
5	Đăng ký thống kê đất đai	3	2.5	0.5	39	15	54
6	Thực hành trắc địa	2	1	1	15	30	45
	Tự chọn (2 trong 4 học phần)	4					
7	Tin học Autocard	2	1	1	15	30	45
8	Môi trường và phát triển	2	1.8	0.2	28	5	33

	Tài nguyên thiên nhiên	2	1.8	0.2	28	5	33
	Quản lý môi trường	2	1.8	0.2	28	5	33
V	Học kỳ 5	20					
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2		30		30
2	Tin học ứng dụng đo vẽ bản đồ	3	1.8	1.2	27	35	62
3	Quy hoạch sử dụng đất	2	1.7	0.3	26	10	36
4	Quy hoạch phát triển nông thôn	2	1.7	0.3	26	10	36
5	Trắc địa ảnh viễn thám	2	1.8	0.2	28	5	33
6	Môi giới bất động sản	2	1.7	0.3	26	10	36
7	Thuế bất động sản	2	1.7	0.3	26	10	36
8	Thanh tra đất đai	2	1.7	0.3	26	10	36
9	Định giá đất	3	2.5	0.5	39	15	54
VI	Học kỳ 6	20					
1	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	2	1.7	0.3	26	10	36
2	QH đô thị và điểm dân cư nông thôn	2	1.7	0.3	26	10	36
3	Thị trường bất động sản	2	1.7	0.3	26	10	36
4	Hệ thống thông tin đất	2	1.7	0.3	26	10	36
5	Xây dựng đồ án quy hoạch sử dụng đất	2	1	1	15	30	45
6	Thực tập giáo trình	4		4		180	180
	Tự chọn (3 trong 7 học phần)	6					
7	Hệ thống nông nghiệp	2	1.8	0.2	28	5	33
8	Kinh tế tài nguyên đất	2	1.8	0.2	28	5	33
	Quy hoạch cảnh quan	2	1.8	0.2	28	5	33
	Tài nguyên đất và môi trường	2	1.8	0.2	28	5	33
9	Đánh giá tác động môi trường	2	1.8	0.2	28	5	33
	Cây trồng đại cương	2	1.8	0.2	28	5	33
	Hệ thống định vị toàn cầu	2	1	1	14	30	44
VII	Học kỳ 7	10		10		450	450
1	Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận (hoặc các học phần thay thế)	10		10		450	450
	Tổng	126					

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý đất đai được thiết kế dựa trên chương trình khung giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành. Chương trình gồm 126 tín chỉ (không tính khối lượng môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng), được thiết kế để giảng dạy và học tập trong 07 học kỳ (3,5 năm học);

- Chương trình được biên soạn theo hướng giảm số giờ lý thuyết, giành nhiều thời gian cho thảo luận, thực hành thực tập, sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận nhằm gắn với yêu cầu đổi mới các phương pháp dạy và học ở bậc đại học.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy định số 17/ 2014/VBHN - BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành văn bản hợp nhất quy chế 43/2007 và Thông tư 57/2012 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định 159/ĐHKTN-ĐT ngày 10/10/2014 về việc ban hành quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ ở trường Đại học kinh tế Nghệ An.

HIỆU TRƯỞNG